

Bản án số: **354/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh
2. Bà Đàm Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 266/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12/10/2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Bàn Thị S có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lý Văn N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bàn Thị S trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn N tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2009, đến ngày 21/02/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh N tại thôn V, xã M. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn phát triển kinh tế gia

đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Lý Văn N đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lý Văn N đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Chị và anh Lý Văn N có 02 con chung là cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Thị Kim D và cháu Lý Chí G đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Lý Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong bản tự khai, bị đơn anh Lý Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị S được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2009, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 chị Sinh đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà một vài ngày sau đó lại đi ngay nên giữa anh và chị S không còn sinh hoạt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn nên không nhất trí ly hôn với chị S mà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Bàn Thị S có 02 con chung là cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và cháu Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012. Nếu phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị Bàn Thị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/01 con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Lý Văn N không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2009, đến năm 2013 thì thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị Sinh, anh Nhịp về chung sống cùng nhà với mẹ đẻ anh Nhịp là bà Đặng Thị Mễng tại thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không gửi tiền về để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái, thỉnh thoảng anh N mới về nhà, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Hiện tại chị S đã bỏ đi làm ăn ở nơi khác và sống ly thân với anh N từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Bàn Thị S, anh Lý Văn N có 02 con chung là cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và cháu Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ kết hôn vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, anh N đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chuyển lại cho anh N. Anh N có biết việc chị S khởi kiện xin ly hôn với mình và đã nhận được các Giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh N đến làm việc nhưng anh N không chấp hành. Khi đi làm ăn xa anh N không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng mà chỉ nói là mình đang đi làm ăn xa, nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết địa chỉ nơi làm việc mới nên hiện tại anh N làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bàn Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lý Văn N chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị S:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Lý Văn N.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và cháu Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Bàn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Lý Văn N không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Bàn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lý Văn N, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý Văn N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Lý Văn N có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Bàn Thị S đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Lý Văn N. Anh Lý Văn N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã biết việc chị Bàn Thị S khởi kiện xin ly hôn với mình. Hiện tại, anh N đang đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, một vài ngày lại về thăm con và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh N hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh N đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt

cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lý Văn N chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2009, đến năm 2013 thì thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn V, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên đơn chị Bàn Thị S xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau, tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Lý Văn N đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lý Văn N để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới; bị đơn anh Lý Văn N cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, không còn sinh hoạt quan hệ vợ chồng. Nhưng anh xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chưa có gì lớn nên không nhất trí ly hôn với chị S mà đề nghị chị S quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị S và anh N sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh N trình bày vẫn còn tình cảm với chị S, tuy nhiên trong thời gian sống ly thân anh N cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, không khuyên nhủ được chị S quay về đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Lý Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N có 02 con chung là cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và cháu Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị Bàn Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Lý Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Lý Thị Kim D và Lý Chí G cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Trong bản tự khai, anh Lý Văn N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị Bàn Thị S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 02 con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng

mặc dù anh Lý Văn N có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, tuy nhiên các con chung là cháu Lý Thị Kim D và cháu Lý Chí G đều có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị Bàn Thị S. Mặt khác, qua kết quả xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh N là do anh N đi làm ăn xa nhưng không gửi tiền về để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Do vậy, để đảm bảo các điều kiện cho việc chăm sóc nuôi dưỡng, phát triển toàn diện và theo nguyện vọng của các con, cần giao cả hai con chung là cháu Lý Thị Kim D và cháu Lý Chí G cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn N không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Bàn Thị S và anh Lý Văn N không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Bàn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Lý Văn N không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị S được ly hôn với anh Lý Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thị Kim D, sinh ngày 24/8/2009 và cháu Lý Chí G, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Bàn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Bàn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0001520, ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 12/10/2023). Ghi nhận chị Bàn Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Lý Văn N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bàn Thị S và bị đơn anh Lý Văn N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã M (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 21/02/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San